

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 12 năm 2021

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- \* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- \* **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
  2. Ông Đào Xuân Hải
- \* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- \* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2021, giữa các đương sự:

- \* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh N, sinh năm 1996 (có mặt)  
Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.  
Tạm trú: Thôn Nghĩa Thượng, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- \* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1998 (vắng mặt)  
Cư trú: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Minh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 15/01/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ

chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh D về chung sống với nhau tại gia đình anh D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau 03 tháng thì chị phát hiện anh D thường xuyên dối trá, không thật thà, chị góp ý nhưng anh D không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 05/2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị và anh D không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh D.

\* Tại bản tự khai ngày 18/10/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị Minh N ngày 15/01/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị N về gia đình anh làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 05/2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh chị cãi cọ nhau. Đến tháng 09/2021 chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên muốn đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 17/11/2021, ông Nguyễn Văn Hùng (là bố đẻ anh D), bà Nguyễn Thị Ngọc – Tổ trưởng tổ dân phố Vườn Đình cho biết: Chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Văn D kết hôn với anh D tháng 12/2020, sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh D về ở với bố mẹ đẻ anh D. Quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh D phát sinh mâu thuẫn do anh D ham chơi, không lo làm ăn kinh tế, hay nói dối chị N. Chị N đã tự ý về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 04/2021 đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải cho chị N, anh D đoàn tụ nhưng không được.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng anh D đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh D không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Anh và chị N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Văn D nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Văn D xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm, chăm lo kinh tế cho gia đình và hay nói dối chị N. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị N, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Phạm Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Về con chung: Chị N, anh D không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Phạm Thị Minh N, anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Minh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản

4 Điều 147; Khoản 01 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Minh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Phương Anh, sinh ngày 23/01/2020.

Anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Phạm Thị Minh N, anh Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000231 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Phạm Thị Minh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn Cao Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**